TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XM** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18/11/2020.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

2. Ông Huỳnh Quang Duy.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Ông Đỗ Đình Luyến – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2020/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2020/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Tú T, sinh năm 1985 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp NT, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- *Bị đơn:* Ông Trương Văn T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp NT, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2020 bản khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại tòa án nguyên đơn – Bà Trần Thị Tú T trình bày:

Bà Trần Thị Tú T xây dựng gia đình với ông Trương Văn T vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại: ấp NT, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đến năm 2018, vợ chồng đi làm ăn ở Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; thỉnh thoảng mới về địa phương. Cuộc sống chung giữa bà T và ông T hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, trong đơn khởi kiện ghi cuối năm là bị nhầm lẫn. Nguyên nhân do ông T có quan hệ tình cảm bất chính với người phụ nữ khác, bà T phát hiện thì vợ chồng xảy ra cải vả, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do đó, bà T và ông T không còn sống chung từ cuối năm 2018 đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng có gặp nhau để bàn chuyện hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không có cách nào để níu kéo vợ chồng quay về sống đoàn tụ với nhau nên bà T yêu cầu xin ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà T và ông T có 01 con chung tên Trương Ngọc Như Y, sinh ngày 22/5/2017. Hiện nay, cháu Ý phát triển tốt về mặt thể chất và tinh thần. Từ thời gian ly thân đến nay, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nay bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ý và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập ông Trương Văn T đến tham gia hòa giải nhiều lần nhưng ông T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án lập biên bản về việc vắng mặt đương sự không tiến hành hòa giải được để có cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Tại các phiên Tòa ông T đều vắng mặt không có lý do.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự,

thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc trước đây cũng như tại các phiên tòa là chưa chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Bà Trần Thị Tú T yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Trương Văn T, đây là quan hệ pháp luật "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Trương Văn T có nơi cư trú tại địa bàn huyện XM theo điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong quá trình tham gia tố tụng, bà Trần Thị Tú T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Trương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy việc xét xử vắng mặt bà T và ông T là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T, ông T xây dựng gia đình vào năm 2016 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2016 ngày 20/02/2016 tại UBND xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà T và ông T chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà T và ông T bất đồng quan điểm nên thường phát sinh cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng

rạn nứt, bà T và ông T đã ngồi lại để giải quyết mâu thuẫn nhưng tình hình vẫn không có gì thay đổi. Hiện bà T và ông T đã ly thân từ cuối năm 2018 đến nay không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế.

Kết quả xác minh tại địa phương: Do bà T và ông T không hòa giải ở cơ sở nên địa phương không rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà T và ông T. Tuy nhiên, hiện nay bà T và ông T không sống chung với nhau là phù hợp với lời trình bày của bà T.

Xét yêu cầu của bà T cho thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra bà T và ông T phải cùng tìm cách khắc phục những mâu thuẫn của vợ chồng để cuộc sống chung được hạnh phúc và cùng nhau chăm sóc nuôi dạy con cái nhưng từ cuối năm 2018 đến nay bà T và ông T ly thân. Sau khi bà T gửi đơn, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để đoàn tụ vợ chồng nhưng không thể hòa giải được, ông T vắng mặt không lý do, thể hiện không có thiện chí hòa giải.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà T và ông T thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T.

[3] Về con chung: Bà T và ông T có 01 con chung tên Trương Ngọc Như Y, sinh ngày 22/5/2017, hiện đang sống với bà T.

Xét yêu cầu của bà T cho thấy, từ khi bà T nộp đơn và Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay ông T không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình về việc bà T có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét hiện cháu Y đang sống với bà T, cháu Y mới hơn 03 tuổi, còn rất nhỏ nên rất cần sự chăm sóc thương yêu của người mẹ nên Tòa án căn cứ vào thực tế và các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung, giao cháu Y cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Tú T đối với ông Trương Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tú T được ly hôn với ông Trương Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trương Ngọc Như Y, sinh ngày 22/5/2017 cho bà Trần Thị Tú T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Ông Trương Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Tú T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Tú T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003832 ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo